CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số: 01/NQ.ĐHĐCĐ-UDEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
DN: C=VN, S=BÀ RỊA-VŨNG TÀU, L=Tp. Vũng Tàu, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500101308
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.07.02 11:33:06+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 01 tháng 7 năm 2024;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được tiến hành từ 08 giờ 15 phút đến 11 giờ 25 phút ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường của Công ty, số 37 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu.

Đại hội có 12 cổ đông và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự, đại diện cho 25.881.152 cổ phần, chiếm 74,57 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đã tập trung nghe và thảo luận các nội dung chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023

stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	163	97,46	59,79%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	5,3	(76,97)	-
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0	(79,35)	-
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	-	(73,29)	-

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ so với TH 2023
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	350	359,1%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	13,5	-
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	1	-

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản *Trong đó:*	827.389.124.231
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.388.456.309
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	138.816.787.898
1.3	Hàng tồn kho	288.093.357.557
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	22.518.888.003
1.5	Tài sản cố định	25.689.999.309
1.6	Bất động sản đầu tư	302.372.882.690
1.7	Tài sản dở dang dài hạn	11.326.668.063
1.8	Đầu tư tài chính dài hạn	29.364.053.768
1.9	Tài sản dài hạn khác	418.030.634
2	Nợ phải trả *Trong đó:*	593.306.060.369
2.1	Nợ ngắn hạn	471.543.830.437
2.2	Nợ dài hạn	121.762.229.932
3	Vốn chủ sở hữu *Trong đó:*	234.083.063.862
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.484.756
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	8.417.484.598
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(127.310.413.662)
4	Tổng doanh thu *Trong đó:*	78.602.166.014
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.173.598.074
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	1.036.726.561

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
4.3	- Thu nhập khác	391.841.379
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(10.817.169.159)
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(63.520.548.903)
7	Lợi nhuận khác	(781.897.589)
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(64.302.446.492)
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(64.302.446.492)

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản *Trong đó:*	869.633.137.176
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.174.138.301
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	104.451.014.005
1.3	Hàng tồn kho	291.635.666.387
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	23.196.316.466
1.5	Các khoản phải thu dài hạn	7.716.127.649
1.6	Tài sản cố định	379.146.326.777
1.7	Bất động sản đầu tư	36.085.577.733
1.8	Tài sản dở dang dài hạn	12.159.806.020
1.9	Đầu tư tài chính dài hạn	17.699
1.10	Tài sản dài hạn khác	4.668.146.139
2	Nợ phải trả *Trong đó:*	618.991.169.623
2.1	Nợ ngắn hạn	482.907.340.721
2.2	Nợ dài hạn	136.083.828.902
3	Vốn chủ sở hữu *Trong đó:*	250.641.967.553
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.658.847
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	16.710.322.535
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(147.240.979.053)
3.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.196.457.054
4	Tổng doanh thu *Trong đó:*	97.463.021.535
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.009.407.022
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	694.630.671
4.3	- Thu nhập khác	758.983.842

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(16.572.379.627)
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(67.388.983.181)
7	Lợi nhuận khác	(9.589.030.070)
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(76.978.013.251)
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(79.356.591.786)
10	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(6.065.075.004)
11	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(73.291.516.782)
12	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.112)

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Thông qua báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.881.152 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025

Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. Ông Mai Ngọc Định - Số phiếu bầu: 25.881.152.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BR-VT

Trần Thái Hòa

Nơi nhận:
- Các cổ đông Công ty UDEC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu văn thư HĐQT.